

Bản án số: 404/2024/HSPT

Ngày: 16-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm

Các Thẩm phán: 1. Bà Vũ Thị Thu Thủy

2. Ông Mai Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 155/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Lưu Trọng H do có kháng cáo của bị cáo Lưu Trọng H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2023/HSST ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

Lưu Trọng H, sinh năm 1978.

ĐKHKTT và nơi cư trú: Số 70/98C, phố H, phường X, thị xã S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Xuân H và bà Lê Thị V; có vợ Trần Mai O (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội xử phạt Lưu Trọng H 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Phần án phí, H đã chấp hành xong ngày 01/11/2017.

Phản bồi thường dân sự: H chưa bồi thường cho bị hại số tiền 27.000.000 đồng.

Danh chỉ bản số 000000503 lập ngày 25/6/2023 tại Công an huyện B, thành phố Hà Nội.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2023 đến ngày 16/10/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa.*

* **Bị hại:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Trần Thị T (vợ ông C), sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; *vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2013, khi đi dự hội nghị của Công ty Thiên Ngọc Minh Uy ở thị xã S, Đặng Thị H1 quen biết với Lưu Trọng H là nhân viên văn phòng của Trường Trung học phổ thông (THPT) X, thị xã S. Sau buổi gặp trên, H và H1 thỉnh thoảng có liên lạc với nhau. Biết nhiều người có nhu cầu xin việc vào làm trong các trường học nên H nảy sinh ý định lừa dối xin được việc để lấy tiền trả nợ cá nhân. Thực hiện ý định, H nói với H1 về việc có quen biết với nhiều người có khả năng xin việc vào các trường học, chi phí là 80.000.000 đồng/người. Nếu H1 biết ai có nhu cầu xin việc làm vào các trường học thì giới thiệu cho H, H sẽ chia cho H1 tiền “hoa hồng”. Bản thân H1 cũng nhận thức được là muốn vào làm việc tại các cơ quan, trường học thì phải có các thủ tục nộp hồ sơ, bằng cấp và được người có thẩm quyền quyết định. Tuy nhiên, dù mới quen H, chỉ được H giới thiệu làm ở trường THPT X, không biết rõ H có chức năng, nhiệm vụ gì có thể xin được việc làm cho người khác và cũng không biết H đã xin được việc cho ai hay chưa nhưng thấy được hưởng lợi ích nên H1 đã đồng ý mà không cần người xin việc phải nộp bất cứ hồ sơ, bằng cấp gì. Khoảng giữa tháng 7/2013, H1 nói với chị Nguyễn Thị L là người quen của H1 vừa học xong trường sư phạm mầm non chưa xin được việc làm về nội dung mà H đã trao đổi. Tin tưởng H1, chị L đã nói chuyện với bố là ông Nguyễn Văn C. Ông C đồng ý cho chị L tiền xin việc và hẹn H1 đến nhà để giao tiền. Ngày 29/7/2013, tại nhà ông C, H1 đã nhận số tiền 80.000.000 đồng do ông C đưa. Ông C yêu cầu H1 viết giấy nhận tiền thể hiện nội dung: “H1 có nhận số tiền của chú Nguyễn Văn C số tiền 80.000.000 đồng để xin việc

cho em L vào dạy mầm non, nếu không xin được việc, H1 sẽ hoàn trả số tiền trên và cam kết sau ba tháng sẽ xin được việc, nếu không xin được sẽ trả lại tiền”. Giấy nhận tiền do ông C giữ. Sau khi nhận tiền của ông C, ngày 30/7/2013, H1 gặp H tại quán cà phê ở số 325, Phố Chùa Thông, Sơn Lộc, S. Tại đây, H1 đưa cho H toàn bộ số tiền 80.000.000 đồng và bảo H xin cho L vào làm việc tại một trường mầm non trên địa bàn huyện B. H đồng ý nhận tiền sau đó đưa lại cho H1 số tiền 10.000.000 đồng là tiền “hoa hồng” như đã hứa. Sau khi nhận tiền, H không yêu cầu H1 chuẩn bị bất cứ giấy tờ, hồ sơ gì có liên quan để xin việc. Sau 03 tháng như đã hẹn, H1 gọi điện thoại cho H để hỏi kết quả xin việc cho L thì H bảo chờ hết 06 tháng. Gần hết 06 tháng, không thấy H xin được việc, H1 nhiều lần gọi điện thoại cho H để hỏi nhưng không liên lạc được. H1 đến nhà tìm H nhưng cũng không gặp được. Sau một thời gian tìm kiếm, H1 gặp được H tại một quán cà phê ở dốc Đá Bạc, X, S. Tại đây, H thừa nhận với H1 đã sử dụng số tiền nhận của H1 vào việc khác. H không có khả năng trả lại tiền cho H1 và hứa sẽ trả dần số tiền trên hàng tháng cho H1. Sau buổi gặp trên, H đã một lần trả cho H1 được số tiền 2.400.000 đồng. Sau đó, H không liên lạc và cũng không trả tiền cho H1 nữa.

Về phía gia đình ông C, khi đến hẹn không thấy H1 xin được việc cho con gái, ông C đã nhiều lần đến nhà H1 để đòi lại số tiền 80.000.000 đồng nhưng H1 đều xin khát nợ. Đến cuối tháng 12/2014, ông Đặng Tiến Minh (là bố đẻ của H1) trả cho ông C số tiền 10.000.000 đồng và xin cho H1 trả dần hàng tháng. Sau đó, năm 2019, H1 trả được số tiền 3.000.000 đồng và năm 2022, H1 trả thêm được cho ông C số tiền 2.000.000 đồng sau đó không trả thêm khoản tiền nào khác. Vì vậy, ngày 05/6/2023, ông C đã có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Về dân sự: Gia đình H đã trả cho H1 số tiền 70.000.000 đồng, H1 đã bồi thường cho ông C số tiền 65.000.000 đồng nên gia đình ông C không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H và H1.

Tại bản Cáo trạng số 109/CT-VKS ngày 23/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố Lưu Trọng H và Đặng Thị H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2023/HSST ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội:

Tuyên bố bị cáo Lưu Trọng H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, các điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Xử phạt bị cáo Lưu Trọng H 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2023 đến ngày 16/10/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo Đặng Thị H1, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2023, bị cáo Lưu Trọng H kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lưu Trọng H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

Về hình thức kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lưu Trọng H trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Lưu Trọng H tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lưu Trọng H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lưu Trọng H 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp, tương xứng với nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hậu quả xảy ra và hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải chăm sóc bố, mẹ già và nuôi con nhỏ (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo Lưu Trọng H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra

khỏi xã hội một thời gian. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Trọng H và sửa quyết định của bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Cụ thể:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, các điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Xử phạt bị cáo Lưu Trọng H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Đơn kháng cáo của bị cáo Lưu Trọng H trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]Căn cứ vào lời khai của bị cáo Lưu Trọng H, vật chứng thu được, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù không phải là người có thẩm quyền tiếp nhận, tuyển dụng việc làm trong các trường mầm non và cũng không tác động ai để xin cho người khác vào làm việc trong các trường mầm non nhưng bằng thủ đoạn gian dối dưới hình thức cam kết xin việc cho con gái ông Nguyễn Văn C là chị Nguyễn Thị L vào làm tại một trường mầm non trên địa bàn huyện B, ngày 29/7/2013, Lưu Trọng H và Đặng Thị H1 đã chiếm đoạt của ông C số tiền 80.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lưu Trọng H đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị

cáo Lưu Trọng H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lưu Trọng H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Lưu Trọng H từng bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng lần phạm tội này không thuộc trường hợp “tái phạm” là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lưu Trọng H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Lưu Trọng H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, tuy nhiên chưa áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 trong phần quyết định của Bản án là có thiếu sót.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử đã đánh giá vai trò phạm tội của bị cáo Lưu Trọng H và bị cáo Đặng Thị H1 khi xem xét mức hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lưu Trọng H xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang phụng dưỡng bố, mẹ già và nuôi con nhỏ (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X, thị xã S) nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xảy ra từ hơn 10 năm trước, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên

không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Trọng H và sửa quyết định của bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4]Hội đồng xét xử sửa quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo Lưu Trọng H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Trọng H và sửa Quyết định của bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Xử phạt bị cáo Lưu Trọng H 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lưu Trọng H cho Ủy ban nhân dân phường X, thị xã S, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lưu Trọng H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lưu Trọng H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lưu Trọng H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/5/2024.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an huyện B;
- VKSND huyện B;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tâm